

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2021/HSST
Ngày: 29-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Păng Ting Nock

ông Phạm Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Minh Hòa là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông Hồ Ngọc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

1/ Họ và tên: Nguyễn Văn T (*Tên gọi khác: Bi*), sinh năm 1999 tại: Lâm Đồng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: hẻm 23 An Bình, Phường 3, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966 và bà Đoàn Thị Ngọc H, sinh năm 1977.

Tiền án, tiền sự. *Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.*

- Bị hại: anh Đỗ Duy K, sinh năm 2001; địa chỉ: số 20C đường Trạng Trình, Phường 9, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*

Nguyên đơn dân sự trong vụ án: Công ty cổ phần Tập Đoàn ML - Chi nhánh Lâm Đồng; địa chỉ: số 186 đường Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

- Người làm chứng:

1/Chị Lê Đoàn Nhật L, sinh năm 1997; nơi cư trú: số 17/46 đường Đào Duy Từ, phường 4, Thành phố Đ. *Có mặt*

2/Chị Nguyễn Thục Phương U, sinh năm 1999; nơi cư trú: tổ 19, Phường 3, Thành phố Đ. *Vắng mặt*

3/Trần Nhất H, sinh năm 2003; nơi cư trú: số 118 Langbiang, thị trấn Lạc Dương, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

4/Nguyễn Thanh S, sinh năm 2005; nơi cư trú: số 31/1A, đường Huyền Chân Công Chúa, Thành phố Đ. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Duy K, sinh năm 2001, trú tại 20C Trạng Trình, Phường 9, thành phố Đ và Nguyễn Trần Lệ C, sinh năm 2002, trú tại hẻm 28 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, thành phố Đ có mối quan hệ tình cảm với nhau nhưng đã chia tay. Khoảng 01 giờ ngày 16-3-2021, Nguyễn Trần Lệ C cùng với nhóm bạn gồm: Nguyễn Văn T; Trần Nhất H, sinh ngày 16-01-2004, trú tại 17 Nguyễn Trãi, phường 10, Thành phố Đ; Nguyễn Thanh Sơn, sinh ngày 02-6-2005, trú tại 31/1A Huyền Trân Công Chúa, Phường 5, thành phố Đ; Đinh Nhật Thăng, sinh ngày 18-4-2005, chỗ ở hẻm 23 An Bình, Phường 3, thành phố Đ ; Lê Nguyễn Thanh T, sinh năm 2001, trú tại hẻm 28 Nguyễn Công Trứ, Phường 8, thành phố Đ đi trên 03 xe mô tô xuống khu vực hồ Tuyên Lâm để chơi thì gặp Đỗ Duy K đang đậu xe taxi của hãng ML biển số 49A-271.11 tại khu vực hồ Tuyên Lâm, trên xe Đỗ Duy K đang ngồi cùng với Lê Đoàn Nhật L, sinh năm 1997, trú tại 17/64 Đào Duy Từ, phường 4, thành phố Đ. Lúc này, Nguyễn Văn T chở Nguyễn Trần Lệ C tới nói chuyện với Đỗ Duy K thì hai bên xảy ra mâu thuẫn nên Nguyễn Trần Lệ C can ngăn nhóm của mình ra về.

Nguyễn Văn T và Trần Nhất H đi chung 01 xe hiệu Exciter biển số 49E1-512.54; Đinh Nhật T điều khiển xe hiệu Honda Airblade biển số 49B1-476.98 chở Nguyễn Thanh S; Nguyễn Trần Lệ C điều khiển xe hiệu Honda Vison biển số 60F3-350.81 chở Lê Nguyễn Thanh T đi theo đường đèo Prenn về trung tâm thành phố Đ.

Sau đó Đỗ Duy K cũng điều khiển xe ô tô biển số 49A-271.11 chở Lê Đoàn Nhật L đi về trung tâm thành phố Đ, trên đường đi Đỗ Duy K đón Nguyễn Thục Phương U, sinh năm 1999, trú tại Tổ dân phố 19, Phường 3, thành phố Đ đi cùng. Khi Đỗ Duy K chạy lên đèo Prenn thì gặp nhóm của Nguyễn Văn T đang đi phía trước, lúc này Đỗ Duy K bức tức việc người yêu cũ là Nguyễn Trần Lệ C đi chơi với nhóm của Nguyễn Văn T nên K vừa chạy xe, vừa kéo cửa kính xuống và xịt hơi cay vào nhóm của Nguyễn Văn T rồi tăng ga bỏ chạy về hướng thành phố Đ. Bị xịt hơi cay nên nhóm của Nguyễn Văn T đuổi theo, khi tới đoạn đầu đèo Prenn thì nhóm của T đuổi kịp và chặn đầu xe của Đỗ Duy K, T yêu cầu K xuống xe để nói chuyện

nhưng K không xuống nên T nhặt 01 cục đá đập bể kính chắn gió bên tài của xe, Đỗ Duy K mở cửa xe cầm gậy ba khúc đánh 01 cái vào chân T thì bị T cùng với S, Th, H đuổi đánh nên K bỏ chạy về hướng thác Prenn. Do không đuổi kịp nên T quay lại nhặt đá ném vỡ kính chắn gió phía sau làm bể kính, Đinh Nhật T cũng cầm đá đập bể kính chiếu hậu bên trái của xe 49A-271.11, sau đó nhóm của Nguyễn Văn T bỏ đi.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 54/KL-ĐG ngày 24-3-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định:

- 01 (một) kính chắn gió sau của xe ô tô biển số 49A-271.11 có giá trị 3.265.000 đồng.

- 01 (một) kính chiếu hậu bên trái của xe ô tô biển số 49A-271.11 có giá trị 3.900.000 đồng.

- 01 (một) kính cửa trước bên trái của xe ô tô biển số 49A-271.11 có giá trị 1.450.000 đồng.

- 01 (một) đèn lái sau bên ngoài trái của xe ô tô biển số 49A-271.11 có giá trị 2.025.000 đồng.

- 01 (một) đèn cốp sau bên trái của xe ô tô biển số 49A-271.11 có giá trị 2.025.000 đồng.

Đối với 01 đèn lái sau bên ngoài trái và 01 đèn cốp sau bên trái của xe ô tô 49A-271.11 quá trình điều tra xác định đã bị bể trước đó, không phải do Nguyễn Văn T và Đinh Nhật T đập phá gây hư hỏng.

Như vậy, tổng tài sản Nguyễn Văn T đập phá gây thiệt hại là 4.715.000 đồng. Tài sản Đinh Nhật T đập phá gây thiệt hại là 3.900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn T đã bồi thường cho nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần Tập Đoàn ML- Chi nhánh Lâm Đồng số tiền 13.931.500 đồng

Tại bản Cáo trạng số 222/Ctr-VKS ngày 14 tháng 10 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố:

Bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận diễn biến vụ việc đúng như bản Cáo trạng và không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt tù từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Lời nói sau cùng: T nhận thức được hành vi phạm pháp luật hình sự của bản thân, cảm thấy ăn năn hối lỗi, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải

tạo ngoài cộng đồng để có điều kiện chữa trị chấn thương sọ não do tai nạn giao thông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đánh giá về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay; đại diện nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần Tập Đoàn ML - Chi nhánh Lâm Đồng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo thủ tục chung.

[3] Đánh giá về hành vi phạm tội của các bị cáo: căn cứ lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người bị hại, biên bản xác định hiện trường, cáo trạng, vật chứng thu giữ được nên đủ cơ kết luận: vào ngày 16-3-2021 tại khu vực đường đèo Prenn thuộc Phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, do bức tức vì bị Đỗ Duy K xẹt hơi cay, bị cáo Nguyễn Văn T đã sử dụng đá đập bể một kính chắn gió phía sau, một kính chắn gió phía trước bên tài xe ô tô taxi mang biển kiểm soát 49A-271.11 do anh Đỗ Duy K là người được giao quản lý, điều khiển. Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 54/KL-ĐG ngày 24-3-2021 đã xác định giá trị thiệt hại của các tài sản nêu trên có trị giá là 4.715.000 đồng, bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì về kết luận định giá. Xét thấy, bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm hành vi xâm phạm trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý làm hư hỏng tài sản trị giá 4.715.000 đồng như đã nêu trên đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Cố ý làm hư hỏng tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, quá trình điều tra thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, trong

vụ án này người bị hại cũng có một phần lỗi nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Đánh giá về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tính chất mức độ phạm tội tuy ít nghiêm trọng nhưng trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện qua việc chưa có tiền án, tiền sự, từng tham gia quân ngũ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ (*03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự*), không có tình tiết tăng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và việc cho bị cáo ở ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Mặc khác, trong vụ án này bị hại cũng có một phần lỗi gây nên hành vi phạm tội của bị cáo, bên cạnh đó bị cáo đang điều trị chấn thương sọ não, phải phẫu thuật hộp sọ do tai nạn giao thông, vì vậy để thể hiện tính nhân văn, khoan hồng của pháp luật thì chỉ cần xử phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng: quá trình điều tra, cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Lạt thu giữ 01 gậy ba khúc bằng kim loại dài khoảng 70 cm, phủ lớp sơn màu vàng, phần tay cầm ốp bằng cao su màu đen thu giữ của người bị hại anh Đỗ Duy K, xét thấy đây vật cầm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: nguyên đơn dân sự Công ty cổ phần Tập Đoàn ML - Chi nhánh Lâm Đồng đã được bồi thường số tiền 13.931.500 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét đến trách nhiệm dân sự của bị cáo.

[8] Đánh giá về vấn đề khác: Trong vụ án có Đinh Nhật T đập bể một kính chiếu hậu bên trái của xe ô tô 49A-271.11 trị giá 3.900.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, Đinh Nhật T mới 14 tuổi 10 tháng 28 ngày nên chưa phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Đ không xử lý hình sự đối với Đinh Nhật T là phù hợp.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội phạm và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000 đồng.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 gậy ba khúc bằng kim loại, dài khoảng 70 cm, phủ lớp sơn màu vàng, phần tay cầm ốp bằng cao su màu đen.

(Vật chứng được bàn giao theo biên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14-10-2021 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án thành phố Đ)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo; bị hại có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Nguyên đơn dân sự trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ và chỉ được kháng cáo liên quan đến bồi thường./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Hoàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Công an thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Hoàn

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

Ông (Bà).....

- *Thư ký phiên tòa:* Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*⁽⁷⁾.....*tham gia phiên tòa:*

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS
ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

⁽¹¹⁾sinh ngày.....tháng..... năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....;

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề
nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾

.....

- *Bị hại:*⁽¹⁷⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾

.....

- *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾

.....

- *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ
án:*⁽²⁴⁾

.....

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự,.....):*⁽²⁵⁾

.....

- *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾

.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....

.....

(30)

.....

(31)

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Các Hội Thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

K'Đào

Lê Thị Chung

Nguyễn Công Hoàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Hoàn

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN ⁽¹⁾.....
 Bản án số ⁽²⁾..... /...../HSST
 Ngày ⁽³⁾.....-.....-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN ⁽⁴⁾.....

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có ⁽⁵⁾:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm:⁽⁶⁾

1. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

2. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

3. Ông (Bà):.....

Nghề nghiệp:.....

Nơi công tác:.....

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông (Bà).....

cán bộ Tòa án ⁽⁷⁾

Đại diện Viện kiểm sát ⁽⁸⁾..... tham gia phiên toà:

1. Ông (Bà)..... Kiểm sát viên.

2. Ông (Bà)..... Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm..... ⁽⁹⁾ tại.....

xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số ⁽¹⁰⁾...../...../HSST ngày..... tháng..... năm..... đối với các bị cáo:

1. sinh ngày..... tháng..... năm..... tại.....

trú tại.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá.....; con ông..... và bà.....; có vợ (chồng) và..... con; tiền sự.....; tiền án ⁽¹¹⁾.....; bị bắt tạm giam ngày ⁽¹²⁾.

2.....

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: ⁽¹³⁾

Ông (Bà)..... sinh năm (hoặc tuổi).....; trú tại.....; nghề nghiệp..... là:
⁽¹⁴⁾.....

Người bào chữa cho bị cáo: ⁽¹⁵⁾.....

Ông (Bà).....

Người bị hại: ⁽¹⁶⁾

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: ⁽¹⁷⁾.....

Nguyên đơn dân sự: ⁽¹⁸⁾.....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: ⁽¹⁹⁾.....

Bị đơn dân sự: ⁽²⁰⁾.....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: ⁽²¹⁾

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ⁽²²⁾.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án⁽²³⁾.....

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...)⁽²⁴⁾

Ông (Bà).....

NHẬN THẤY ⁽²⁵⁾

- Bị cáo (các bị cáo) bị Viện kiểm sát..... truy tố về hành vi (các hành vi) phạm tội như sau:

(Trình bày việc phạm tội, các hành vi phạm tội của bị cáo (các bị cáo) mà Viện kiểm sát truy tố theo nội dung của cáo trạng).

- Tại bản cáo trạng số..... ngày..... tháng..... năm..... Viện kiểm sát..... đã truy tố.

(Ghi phần quyết định truy tố của cáo trạng đối với từng bị cáo về tội danh và điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự được áp dụng).

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa (nếu có) và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY⁽²⁶⁾

.....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH⁽²⁷⁾

.....

.....

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 185, 224 và 307 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án quân sự khu vực, thì ghi Toà án quân sự khu vực mấy Quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự khu vực 1 quân khu 4); nếu là Toà án quân sự quân khu thì ghi Toà án quân sự quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự Quân khu Thủ đô); nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi Toà án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản (ví dụ: Bản án số 250/2004/HSST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(5) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm

gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm. Trong trường hợp bị cáo là người chưa thành niên, thì nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm. Trong trường hợp bị cáo là người thành niên, thì không nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm nhân dân.

(6) Nếu Tòa án nhân dân, thì ghi Hội thẩm nhân dân; nếu Tòa án quân sự, thì ghi Hội thẩm quân nhân.

(7) Ghi họ và tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1), song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân” và “Tòa án quân sự” thành “Viện kiểm sát quân sự”; nếu chỉ có một Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì chỉ ghi họ và tên của Kiểm sát viên đó; nếu có hai Kiểm sát viên tham gia phiên tòa thì phải ghi đầy đủ họ và tên của cả hai Kiểm sát viên đó.

(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày, thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 12 tháng 4 năm 2004...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 7...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 7 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 30-7 đến ngày 04-8 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: trong các ngày 29, 30, 31 tháng 7 và các ngày 03, 04 tháng 8 năm...).

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý sơ thẩm vụ án, ô thứ hai ghi năm thụ lý vụ án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản và sau đó ghi ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Vụ án hình sự thụ lý số 175/2004/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2004).

(11) Ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án.

(12) Ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) Nếu bị cáo nào có người đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(14) Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(15) Nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ và tên của bị cáo đó; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên của người bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) Nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trong trường hợp người bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người chưa thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(24) Nếu người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) Trong phần này, cần chú ý chỉ ghi các hành vi phạm tội của các bị cáo mà Viện kiểm sát truy tố trong nội dung của cáo trạng, những hành vi khác tuy có được mô tả trong cáo trạng, nhưng Viện kiểm sát không truy tố thì không ghi.

(26) Trong phần này chỉ ghi sự phân tích và đánh giá của Hội đồng xét xử bao gồm:

- Phân tích và đánh giá những vấn đề đã được tranh tụng tại phiên toà;
- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội;
- Đánh giá bị cáo có phạm tội không và nếu bị cáo có phạm tội, thì phạm tội gì, theo khoản nào, điều nào của Bộ luật hình sự;
- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;
- Đánh giá thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có);
- Hướng giải quyết về xử lý vật chứng (nếu có).

(27) Trong phần này ghi các quyết định của Toà án và quyền kháng cáo đối với bản án như sau:

a. Trường hợp bị cáo có phạm tội:

- Tuyên bố bị cáo (các bị cáo)... phạm tội (các tội)... (bị cáo nào phạm tội nào thì ghi tội đó);
- Áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự; nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...
- Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo được hưởng án treo thì cần giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Trong trường hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tử hình thì ghi: “tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án”.
- Việc bồi thường thiệt hại: Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (tương ứng) của Bộ luật dân sự buộc...;
- Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;
- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;
- Quyền kháng cáo đối với bản án. Đối với bị cáo bị xử phạt tử hình thì cần ghi thêm: “nếu họ không kháng cáo, thì họ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tử hình trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo”.

b. Trong trường hợp bị cáo không phạm tội:

Căn cứ vào khoản... Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên bố bị cáo không phạm tội;
- Giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ;
- Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có);
- Việc xử lý vật chứng (nếu có);
- Về án phí (nếu có);
- Quyền kháng cáo đối với bản án.

c. Nếu bị cáo bị tuyên hình phạt trục xuất, thì Hội đồng xét xử cũng phải tuyên cả thời gian bị cáo phải rời khỏi Việt Nam.

Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử; nếu là bản án chính thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao bản án theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án chính)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ký tên và đóng dấu của Toà án

(Họ và tên)

